

Bản án số: 120/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2026

"Về việc Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Quang Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông An Đăng Sáng,

2. Bà Nguyễn Thị Huệ,

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng, tại điểm cầu T Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng; ông Bùi Hoàng A, tại điểm cầu thành phần Hội trường thôn B, xã T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Phụng - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa tại điểm cầu trung tâm tại Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng.

Kiểm sát viên ông Nguyễn Quang Đ, tại điểm cầu thành phần Hội trường thôn B, xã T, thành phố Hải Phòng.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026, tại điểm cầu T, Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng và điểm cầu thành phần tại Hội trường thôn B, xã T, thành phố Hải Phòng mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ dân sự thụ lý số 343/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 102/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Nhật L**, sinh ngày 10/05/2005;

Căn cước công dân số: 034305009123;

Nơi cư trú: Thôn A, xã M, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Anh **Trần Việt A1**, sinh ngày 14/10/2003;

Căn cước công dân số: 030203005980;

Nơi cư trú: Thôn A, xã N, thành phố Hải Phòng.

(Nguyên đơn chị L xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Việt A1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị Nhật L trình bày: Chị và anh Trần Việt A1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 30/5/2025 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương, nay là xã N, thành phố Hải Phòng và được tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh Việt A1 còn chơi bời không chịu làm ăn, không lo toan cho vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 02/2026, chị đã bỏ về nhà đẻ ở không quay lại chung sống với anh Việt A1 nữa và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn khắc phục mâu thuẫn. Khi làm đơn xin ly hôn chị có trao đổi với anh Việt A1 nhưng anh Việt A2 không đồng ý ly hôn, anh nói sẽ không đến Tòa án để giải quyết, hiện anh đang làm ở H, Quảng Ninh nhưng không cho chị biết địa chỉ. Nay chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh Việt A1 không còn, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Việt A1 để hai bên ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh Việt A1 có 01 con chung là Trần Trọng Minh K, sinh ngày 19/12/2025, cháu hiện đang ở với mẹ, cháu còn nhỏ chưa được 01 tuổi. Ly hôn chị đề nghị giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chị đủ điều kiện trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành, chị tự nguyện không yêu cầu anh Việt A1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị. Chị cam kết bảo đảm điều kiện tốt nhất để nuôi con đến khi trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung, công sức chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc và quá trình chuẩn bị xét xử vụ án: Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là anh Trần Việt A1 và đã giao các văn bản tố tụng cho gia đình anh Việt A1 và thông báo cho anh Trần Việt A1 biết, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Trần Việt A1 đều vắng mặt, không hợp tác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và giao gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung liên quan đến vụ án chị L xin ly hôn. Tòa án mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Trần Việt A1 vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập họp lệ hai lần anh Việt A1 đến phiên tòa nhưng anh đều không có mặt tại phiên tòa.

Lời khai của người thân gia đình chị L, bà Đào Thị D trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị L. Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị L trình bày. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 05 tháng thì bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng

quan điểm, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn căng thẳng nhất tháng 02/2026, chị L đã đưa con về nhà bà ở, anh chị ly sống thân từ đó đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị L xin ly hôn anh Trần Việt A1, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị L. Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Trần Trọng Minh K. Việc nuôi dưỡng cháu K, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị L. Nếu chị L được tiếp tục nuôi con vợ chồng bà tự nguyện hỗ trợ chị L việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K với điều kiện tốt nhất. Về tài sản chung, nợ chung, anh chị không có công sức đóng góp với gia đình bà.

Lời khai của người thân gia đình anh Trần Việt A1, bà Lưu Thị N trình bày: Bà là bà ngoại của anh Việt A1. Về thời gian kết hôn đúng như chị L trình bày. Bà không biết anh chị mâu thuẫn gì, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào. Nay chị L xin ly hôn anh Trần Việt A1, bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật, bà không can dự về việc của các cháu. Hiện tại anh Việt A1 là làm ăn ở Quảng Ninh vẫn về nhà thường xuyên nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh làm gì ở đâu bà không rõ. Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung, chị L muốn trực tiếp nuôi con, gia đình bà không có ý kiến, đồng ý với nguyện vọng của chị L.

Kết quả làm việc với địa phương bà Nguyễn Thị Thanh X - Trưởng thôn 1 xã N, thành phố Hải Phòng trình bày: Quá trình chung sống anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến khi nào xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bà không nắm được, khi chị L xin ly hôn, chị L không mời thôn hòa giải. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn anh Trần Việt A1, đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Trọng Minh K. Hiện tại anh Việt A1 làm lao động tự do, đang làm việc tại Quảng Ninh, thỉnh thoảng vẫn thấy anh Việt A1 về nhà, còn cụ thể anh Việt A1 làm gì ở đâu, bà không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Nhật L. Xử cho chị được ly hôn với anh Trần Việt A1. Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Trọng Minh K, sinh ngày 19/12/2025 cho

đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Việt A1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Việt A1 không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở; Về tài sản, nợ chung: Không. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Nhật L có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Trần Việt A1 là bị đơn; Nơi cư trú: thôn A, xã N, thành phố Hải Phòng; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Chị Phạm Thị Nhật L nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ anh Trần Việt A1 đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh Việt A1 vắng mặt không có lý do, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Nhật L và anh Trần Việt A1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương, nay là xã N, thành phố Hải Phòng ngày 30/5/2025. Cả hai đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào trình bày của chị L, lời trình bày của đại diện hai bên gia đình và tài liệu thu thập chứng cứ có trong hồ sơ nên có cơ sở xác định trong quá trình chung sống chị L và anh Trần Việt A1 có mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2026, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị L xác định tình cảm giữa chị và anh Việt A1 không còn, không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn anh Trần Việt A1. Quá trình giải quyết vụ án anh Việt A1 vắng mặt và không gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung của vụ án thể hiện anh không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh Việt A1 vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh Việt A1 vẫn không hợp tác. Ngày 25/8/2026, Tòa án đã giao cho anh Việt A1 nhận quyết định hoãn phiên tòa, anh biết việc chị L xin ly hôn nhưng anh vẫn không đến và không có văn bản ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị L và không có mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt

anh Việt A1. Từ những căn cứ nêu trên HĐXX có đủ căn cứ đánh giá mâu thuẫn giữa chị L và anh Trần Việt A1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị L xử cho chị Phạm Thị Nhật L được ly hôn anh Trần Việt A1 là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh Trần Việt A1 có 01 con chung là Trần Trọng Minh K, sinh ngày 19/12/2025, cháu hiện đang ở với chị L và ông bà ngoại. Ly hôn chị L đề nghị giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị đủ điều kiện trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Việt A1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị. Xét nguyện vọng của chị L: Đến ngày xét xử, cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Anh Trần Việt A1 không cung cấp chứng cứ chứng minh thu nhập của anh cho Tòa án. Từ khi chị L đưa con về nhà để ở anh Việt A1 không đến thăm con, không có trách nhiệm gì với con trong khi đó con chưa được một tuổi. Đối với bố mẹ chị L cam kết hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con, về nhà đất cũng đảm bảo điều kiện cho chị L nuôi con. Chị L cam kết đủ điều kiện chăm lo, nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành. Do vậy cần giao cháu K cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh Việt A1 cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Phạm Thị Nhật L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh Trần Việt A1 không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Nhật L khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Luật phí lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Nhật L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Nhật L được ly hôn anh Trần Việt A1.

2. Về con chung: Xử giao con chung Trần Trọng Minh K, sinh ngày 19/12/2025 cho chị Phạm Thị Nhật L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Trần Việt A1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Việt A1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Nhật L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/26E, Số: 0000230 ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chi cục Thi hành án dân sự, thành phố Hải Phòng, chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 13 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng;
- (để ghi vào sổ hộ tịch; ĐK số 2, ngày 30/5/2025)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Quang Khuyến